TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-PT
Ngày: 28/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLPT-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2025/QĐ - PT, ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa:

1.Nguyên đơn: bà Trịnh Thu H, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025) (có mặt)

2.Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1984 (có mặt)

2.2. Bà Đinh Thị Lý C, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2024 của nguyên đơn Trịnh Thu H và trong quá trình tham gia tố tụng anh Huỳnh Duy K là người đại diện hợp pháp của

nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở quen biết, vào ngày 13/9/2023 bà H có cho ông Nguyễn Hữu T và ông Trần Văn H1 vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay mở xưởng hùn vốn làm ăn chung và có lập giấy mượn tiền đề ngày 13/9/2023, khi vay tiền thì các bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Tuy nhiên, sau một thời gian làm chung thì ông T và ông H1 phát sinh mâu thuẫn, ông T không còn hợp tác làm ăn với ông H1 nữa, ông T để lại toàn bộ tài sản trong xưởng cho ông H1. Đến ngày 03/01/2024, vợ chồng ông H1, bà C đã viết tờ cam kết xác nhận nợ bà H số tiền 250.000.000 đồng.

Không nhớ cụ thể về thời gian, bà H có hốt hụi lần lượt số tiền 68.500.000 đồng và 25.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H cho ông H1 vay cả hai số tiền này, không có làm biên nhận, nhưng ông H1 có thừa nhận trong đoạn ghi âm điện thoại.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông H1 và bà C trả vốn vay 250.000.000 đồng, tiền lãi tính lãi từ ngày 13/9/2023 đến ngày 13/6/2024 (10 tháng), mức lãi suất 1.66%/tháng bằng 41.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 291.500.000 đồng và yêu cầu trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với khoản vay 68.500.000 đồng và khoản vay 25.000.000 đồng yêu cầu ông H1 và bà C có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn ông Trần Văn H1 trình bày:

Vào ngày 13/9/2023, ông H1 và ông T có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng và đến khi làm biên nhận vay tiền thì phía bà H có cộng thêm 50.000.000 đồng lãi suất của 05 tháng vay tiền và được ông H1 cùng với ông T thống nhất ký biên nhận vay số tiền 250.000.000 đồng. Do làm ăn không thuận lợi nên ông H1 và ông T không thể trả số tiền 250.000.000 đồng cho bà . Nay anh Hòa đồng Ý trả cho bà H số tiền 125.000.000 đồng, phần còn lại 125.000.000 đồng buộc ông T phải trả cho chị H. ông H1 không đồng ý trả tiền lãi, vì bà H đã cộng 50.000.000 đồng vào biên nhận ngày 13/9/2023.

Đối với số tiền 68.500.000 đồng và 25.000.000 đồng thì ông H1 không biết và cũng không có nhận hai số tiền trên nên không đồng ý trả cho bà H.

Bị đơn chị Đinh Thị Lý C trình bày:

Bà C là vợ của ông H1, thống nhất với lời trình bày của ông H1, bà C đồng ý liên đới cùng với ông H1 trả số tiền 125.000.000 đồng cho bà H. Đối với số tiền 68.500.000 đồng và 25.000.000 đồng thì bà C không biết và cũng không có nhận hai số tiền trên nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông T và ông H1 quen biết do đi viếng chùa, sau nhiều lần gặp nhau ông T biết ông H1 làm nghề sửa motor máy quạt nên quyết định hùn vốn làm ăn chung. Thời điểm đó hai người không có vốn nên vay của bà H số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng và có làm giấy mượn tiền ngày 13/9/2023. Trong quá trình làm ăn chung do bất đồng quan điểm nên ông T không còn làm ăn chung với ông H1, hai bên thống nhất chấm dứt việc hùn vốn làm ăn. Ông T đã giao xưởng cho ông H1, ông Hòa đồng Ý chịu trách nhiệm trả số tiền 250.000.000đ của bà H.

Vợ chồng ông H1 viết tờ cam kết đề ngày 03/01/2024 đồng ý hoàn trả bà H

số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi. Thời điểm viết tờ cam kết thì bà H cũng đã đồng ý cho ông H1 trả nợ. Vì vậy, ông H1 và bà C có nghĩa vụ trả tiền cho bà H, ông T không đồng ý cùng ông H1 và bà C trả số tiền vay 250.000.000đ cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thu H.

Buộc anh Trần Văn H1, chị Đinh Thị Lý C có nghĩa vụ phải thanh toán cho chị Trịnh Thu H số tiền đã vay vốn và lãi là 264.525.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó gốc 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 14.525.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Trần Văn H1 và chị Lý Thị C1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trịnh Thu H số tiền vay là 68.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Tổng cộng hai khoản trên là 333.025.000 đồng, trong đó tiền gốc là 318.500.000 đồng và tiền lãi là 14.525.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc đại diện nguyên đơn rút lại số tiền 25.000.000đ không yêu cầu anh H1 và chị C1 trả.

Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/01/2025 ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm. Ông H1 và bà C đồng ý trả cho bà H số tiền 125.000.000đ cùng với lãi suất nhà nước quy định. Không đồng ý trả cho bà H số tiền 68.500.000đ, vì không có vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Huỳnh Duy K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trịnh Thu H và các bị đơn ông Trần Văn H1, bà Đinh Thị Lý C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

Do ông Nguyễn Hữu T và ông Trần Văn H1 chưa tính toán với nhau về số tiền vốn, lời trong việc hùn vốn làm ăn nên tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu T thỏa thuận với ông Trần Văn H1 là ông T đồng ý cùng với ông H1 trả nợ cho bà Trịnh Thu H. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông H1 và bà C có nghĩa vụ trả bà H số tiền 333.025.000đ (trong đó có tiền gốc 250.000.000đ theo biên nhận ngày 13/9/2023, tiền lãi 14.525.000đ và 68.500.000đ), ông T và ông Hòa đồng Ý chia đôi trả số tiền này cho bà H. Cụ thể ông T có nghĩa vụ trả bà H số tiền 166.512.500đ. Ông H1 và bà C có nghĩa vụ liên đới trả bà H số tiền 166.512.500đ.

Về án phí: các đương sự chịu theo quy định của pháp luật

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Văn H1 và Đinh Thị Lý C;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo hướng: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ngày 03/01/2025,Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 15/01/2025 ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên vụ án đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Huỳnh Duy K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trịnh Thu H và các bị đơn ông Trần Văn H1, bà Đinh Thị Lý C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C có nghĩa vụ liên đới trả bà Trịnh Thu H số tiền 166.512.500đ.

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả bà Trịnh Thu H số tiền 166.512.500đ

[2] Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa và sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án nên sửa lại án phí, các đương sự phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Buộc ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C phải chịu án phí số tiền 166.512.500đ x 5% = 8.325.625đ (làm tròn 8.325.000đ).

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí 166.512.500đ x 5% 8.325.6255đ (làm tròn 8.325.000đ).

-Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên ông H1 và bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc đại diện nguyên đơn rút lại số tiền 25.000.000đ không yêu cầu anh H1 và chị C trả, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn bà Trịnh Thu H có anh Huỳnh Duy K làm đại diện và bị đơn ông Trần Văn H1, bà Đinh Thị Lý C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T.

1.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C có nghĩa vụ liên đới trả bà Trịnh Thu H số tiền 166.512.500đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả bà Trịnh Thu H số tiền 166.512.500đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

2.1.Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C có nghĩa vụ chịu án phí số tiền là 8.325.000đ (Tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí số tiền 8.325.000đ (Tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả bà Trịnh Thu H số tiền 9.625.000đ (Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001577 ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2.2.Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả ông Trần Văn H1 và bà Đinh Thị Lý C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng)theo các biên lai số 0001847, 001846 cùng ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3.Quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc đại diện nguyên đơn rút lại số tiền 25.000.000đ không yêu cầu anh H1 và chị C trả, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện Long Hồ;
-TAND huyện Long Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình